

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 17/3/2021

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Loan;
Ông Phạm Tám;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng D - sinh năm 1992;
Trú tại: Thôn T1, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Q - sinh năm: 1969;
Trú tại: Thôn T2, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 9 năm 2020 (nộp Tòa án cùng ngày); bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 12 năm 2020; Biên bản hòa giải ngày 06 tháng 01 năm 2021, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D trình bày:***

Do quen biết nên vào ngày 27 tháng 9 năm 2019 âm lịch (tức 25 tháng 10 năm 2019 dương lịch), chị Lê Thị Hồng D có cho bà Trần Thị Q vay số tiền 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), hai bên thống nhất khi nào

chị D cần thì bà Q sẽ trả tiền, khi vay hai bên không thỏa thuận về tiền lãi; việc vay mượn được thể hiện tại giấy vay tiền lập ngày 27/9/2019 (âm lịch) có chữ ký của chị D và bà Q, sau đó chị D đã giao đủ tiền cho bà Q, chị D xác định khoản nợ này là nợ cá nhân bà Q, không liên quan đến chồng bà Q. Đến ngày 01 tháng 9 năm 2020 (dương lịch) do cần tiền nên chị D có đến nhà bà Q để yêu cầu trả tiền nợ thì bà Q cũng đồng ý trả nợ nhưng hẹn xoay tiền trả nợ cho chị D, tuy nhiên từ đó đến hiện tại dù chị D nhiều lần yêu cầu bà Q trả tiền, bà Q toàn khát nợ, hẹn đi hẹn lại nhưng không trả. Do đó mà hiện tại bà Q vẫn còn nợ chị D 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng); chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Q phải trả cho chị số tiền nợ là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi 04 (bốn) tháng được tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/01/2021 theo mức lãi suất 1,2 %/tháng, cụ thể:

$25.200.000đ \times 0,833\% \times 04 \text{ tháng} = 1.209.600đ$ (một triệu hai trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng).

Tổng cộng chị D yêu cầu bà Q phải trả số tiền 26.409.600đ (hai mươi sáu bốn trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng) gồm nợ gốc là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), nợ lãi 04 (bốn) tháng được tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/01/2021 là 1.209.600đ (một triệu hai trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng). Ngoài ra chị yêu cầu bà Q phải chịu số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/02/2021 đến khi trả hết nợ theo lãi suất 1,2%/tháng.

Tại đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D trình bày: Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Q trả số tiền nợ là 26.409.600đ (hai mươi sáu bốn trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng) trong đó nợ gốc là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), nợ lãi tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/01/2021 là 1.209.600đ (một triệu hai trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ tháng 02/2021 đến khi trả hết số nợ theo mức lãi suất là 1,2%/tháng.

Nay chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện, xin rút lại yêu cầu đòi với phần tiền lãi; chị D xác định chỉ yêu cầu bà Trần Thị Q phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 01 năm 2021; Biên bản hòa giải ngày 06 tháng 01 năm 2021 và tại phiên tòa; bị đơn bà Trần Thị Q trình bày:

Bà Trần Thị Q thống nhất như phần trình bày của chị Lê Thị Hồng D về thời gian, khoản tiền vay và nghĩa vụ trả nợ, bà thừa nhận mình có mượn nợ chị D số tiền 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) và có ký nhận nợ vào giấy vay tiền lập vào ngày 27/9/2019 âm lịch. Do gặp nhiều khó khăn trong cuộc

sống nên sau khi nhận tiền từ chị D xong bà không có khả năng trả nợ, chị D cũng đã đòi nợ bà nhiều lần nhưng do khó khăn nên bà chưa trả được; bà xác định hiện tại còn nợ chị D 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) và đây là nợ cá nhân của bà, không liên quan đến chồng bà, bà chịu trách nhiệm trả cho chị D. Nay chị D chỉ yêu cầu bà trả nợ gốc là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi thì bà cũng đồng ý nhưng do hiện nay bà đang gặp khó khăn nên xin trả thành từng đợt, mỗi tháng sẽ trả cho chị D 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi trả hết số nợ hoặc cho bà thời hạn trả nợ vào ngày 01/10/2022 bà sẽ trả hết nợ cho chị D.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D. Đối với tiền lãi do chị D có đơn rút yêu cầu nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Hồng D yêu cầu Trần Thị Q phải trả cho bà số tiền nợ là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng); bị đơn bà Trần Thị Q có địa chỉ là Thôn Tây Nam 2, xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điều a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Q phải trả cho nguyên đơn một lần toàn bộ số tiền vay là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) theo giấy vay tiền mà bị đơn đã ký vào ngày 27 tháng 9 năm 2019 âm lịch, không yêu cầu tiền lãi.

[2.1] Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 01 năm 2021, biên bản hòa giải ngày 06 tháng 01 năm 2021 và tại phiên tòa: Bị đơn bà Trần Thị Q cũng thống nhất với phần trình bày của chị Lê Thị Hồng D về thời gian vay, khoản tiền vay, nghĩa vụ trả nợ; bà xác định hiện tại còn nợ chị D số tiền 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), đây là khoản nợ riêng của bà, không liên quan đến chồng bà và bà chịu trách nhiệm trả cho chị D.

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 27 tháng 9 năm 2019 âm lịch có chữ ký xác nhận của bà Trần Thị Q, chị Lê Thị Hồng D và các lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Bà Trần Thị Q còn nợ chị Lê Thị Hồng D số tiền 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Việc bà Q không thanh toán tiền cho chị D vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về vay tài sản; nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời gây khó khăn cho chị D trong việc thu hồi vốn cho vay, ảnh hưởng quyền lợi của chị D nên chị D khởi kiện yêu cầu bà Q trả tiền cho chị là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Bà Trần Thị Q xác định khoản tiền nợ chị D là nợ của mình bà, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D chỉ yêu cầu bà Q trả nợ mà không yêu cầu chồng bà Q cùng trả nợ nên không cần buộc chồng bà Q phải liên đới cùng trả nợ.

Bà Q đồng ý trả 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) cho chị D nhưng do khó khăn nên xin trả thành từng đợt, mỗi tháng trả 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi trả hết số nợ hoặc cho bà thời hạn trả nợ đến ngày 01/10/2022, bà sẽ trả hết toàn bộ tiền nợ. Tuy nhiên, việc bà Q đề nghị không được chị D đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Q phải trả một lần cho nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D toàn bộ số tiền nợ là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

[2.2] Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị D yêu cầu bà Q phải trả tiền lãi tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/01/2021 là 1.209.600đ (một triệu hai trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ tháng 02/2021 đến khi trả hết số nợ theo mức lãi suất là 1,2%/tháng; tuy nhiên tại đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 03/3/2021 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút yêu cầu, không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi nữa; việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của chị Lê Thị Hồng D được chấp nhận nên chị D không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, án phí, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D.

Buộc bà Trần Thị Q phải cho chị Lê Thị Hồng D số tiền 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Thị Hồng D về việc buộc bà Trần thị Q trả 1.209.600đ (một triệu hai trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng) tiền lãi.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.260.000đ (một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Hồng D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 705.000đ (Bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003565 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Nhật Hoàng